MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: *24/2/2022*

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,494.85	434.88
% Thay đổi	-1.15%	-1.73%
KLGD (CP)	1,159,943,184	167,583,625
GTGD (tỷ đồng)	35,020.17	4,929.28
Tổng cung (CP)	2,268,249,100	212,401,500
Tổng cầu (CP)	2,142,584,000	193,629,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	63,956,500	1,391,262
KL mua (CP)	45,624,100	1,087,600
GT mua (tỷ đồng)	1,955.40	32.49
GT bán (tỷ đồng)	2,131.65	45.40
GT ròng (tỷ đồng)	(176.25)	(12.91)

Tương quan cung cầu HOSE

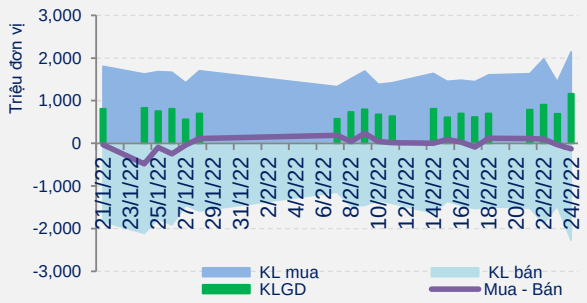

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

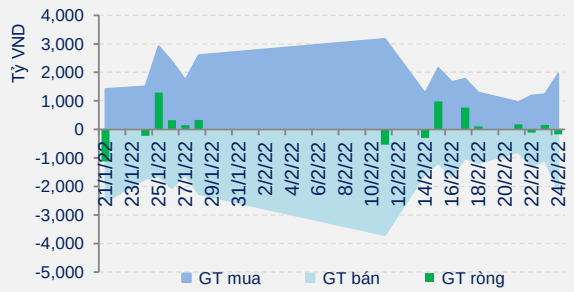

Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	-1.50%	21.1	3.5	0.8%
Công nghiệp	-2.13%	23.1	3.3	14.7%
Dầu khí	2.64%	20.0	2.3	5.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	-0.64%	-	11.1	3.5%
Dược phẩm và Y tế	-1.39%	16.9	2.6	0.4%
Hàng Tiêu dùng	-0.74%	18.8	3.7	9.0%
Ngân hàng	-1.45%	12.7	2.4	16.7%
Nguyên vật liệu	-0.61%	9.9	2.3	14.7%
Tài chính	-1.63%	24.3	3.3	31.6%
Tiện ích Cộng đồng	0.60%	18.9	2.9	3.0%
VN - Index	-1.15%	17.6	3.2	
HNX - Index	-1.73%	23.3	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Tình hình giữa Nga và Ucraina vẫn đang leo thang căng thẳng khiến cho chứng khoán toàn cầu mà đại diện là thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục giảm mạnh trong đêm qua. Và điều này rõ ràng đã có ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong phiên hôm nay. Áp lực bán xuất hiện ngay từ đầu phiên và mạnh dần sau đó đã khiến chỉ số VN-Index có lúc giảm đến hơn 38 điểm. Rất may là lực cầu bắt đáy xuất hiện trong phiên chiều đã giúp thị trường thu hẹp đáng kể mức giảm kể trên. Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 17,45 điểm (-1,15%) xuống 1.494,85 điểm. Độ rộng thị trường là tiêu cực với chỉ 75 mã tăng (12 mã tăng trần), 28 mã tham chiếu, có đến 396 mã giảm (8 mã giảm sàn). Trong nhóm VN30 (-1,09%) có 25/30 mã giảm và đây là nguyên nhân chính tạo nên áp lực điều chỉnh lên thị trường, có thể kể đến TPB (-3,2%), CTG (-2,9%), HDB (-2,9%), VIC (-2,9%), VRE (-2,6%), KDH (-2,4%), TCB (-2,3%), BID (-2,2%), POW (-2,2%), STB (-2,1%)... Ở chiều ngược lại, vẫn còn 5/30 mã là đi ngược thị trường chung VPB (+2,8%), BVH (+2,4%), GAS (+1,7%), MSN (+1,5%), PLX (+1,4%). Giá dầu thế giới tiếp tục xu hướng tăng giúp cho nhóm cổ phiếu dầu khí hưởng lợi với đà tăng mạnh thời gian gần đây PVS (+4,8%), BSR (+2,5%), PVD (+6,3%), PLX (+1,4%), OIL (+4,6%), PSH (+5,8%), PVC (+9,6%), PVB (+9,8%), PVO (+14,3%)... Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu ngành hóa chất cũng có diễn biến rất tích cực khi đồng loạt tăng mạnh hoặc tăng trần như DPM (+6,9%), DCM (+7%), DGC (+3,1%), LAS (+9,9%), DDV (+6,7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam phản ứng tiêu cực với những căng thẳng giữa Nga và Ucraina trong phiên hôm nay. Tuy nhiên, với những diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là lực cầu bắt đáy ở vùng giá thấp vẫn là tương đối tốt để hỗ trợ thị trường. VN-Index tuy đánh mất ngưỡng tâm lý 1.500 điểm nhưng vẫn kết phiên trên vùng hỗ trợ kỹ thuật 1.485-1.490 điểm (MA20-50). Điều này cho thấy là xu hướng tăng đã bị ảnh hưởng nhưng vẫn chưa chuyển sang pha tiêu cực. Và nếu như không có những leo thang trong căng thẳng giữa Nga và Ucraina trong đêm nay thì trong phiên giao dịch cuối tuần 25/2, VN-Index vẫn có thể hồi phục trở lại để cố gắng lấy lại ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Nhưng nhà đầu tư đã mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 như khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và cân nhắc gia tăng thêm tỷ trọng cổ phiếu nếu thị trường có nhịp chỉnh về vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022).

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 24/2/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.513,25 điểm. Nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ và đà giảm mạnh lên sau đó, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.473,76 điểm. Về cuối phiên, lực cầu gia tăng tốt giúp chỉ số thu hẹp mức giảm. Kết phiên, VN-Index giảm 17,45 điểm (-1,15%) xuống 1.494,85 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 2.400 đồng, VCB giảm 1.600 đồng, CTG giảm 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, VPB tăng 1.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 444,38 điểm. Nhưng từ khoảng 10h trở đi, lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống dưới ngưỡng tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 428,39 điểm. Về cuối phiên, lực cầu gia tăng giúp thu hẹp mức giảm. Kết phiên, HNX-Index giảm 7,66 điểm (+1,73%) xuống 434,88 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 2.400 đồng, CEO giảm 4.900 đồng, NVB giảm 900 đồng. Ở chiều ngược lại, HUT tăng 1.700 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 176,25 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 18,3 triệu cổ phiếu. HDB là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 226,8 tỷ đồng tương ứng với 7,9 triệu cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 65,4 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, KDC là mã được mua ròng nhiều nhất với 161,9 tỷ đồng tương ứng với 3 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 13,13 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 304 nghìn cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 18,6 tỷ đồng tương ứng với 551,9 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VCS với 8,4 tỷ đồng tương ứng với 78,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 16,2 tỷ đồng tương ứng với 469 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:

VN-Index giảm khá mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là áp lực bán trong phiên sáng và đầu phiên chiều tương đối mạnh. Nhưng càng về gần cuối phiên thì lực cầu lại trở nên tích cực hơn để giúp thị trường thu hẹp mức giảm.

Áp dụng lý thuyết sóng elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm hôm nay (-1,15%) thì chỉ số VN-Index đã đánh mất ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường bị suy yếu. Nhưng VN-Index vẫn kết phiên trên vùng hỗ trợ 1.485-1.490 điểm (MA20-50) nên xu hướng hiện tại vẫn còn tương đối ổn.

Do đó, trong phiên giao dịch cuối tuần 25/2, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại với ngưỡng kháng cự tâm lý gần nhất 1.500 điểm.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại vùng hỗ trợ gần nhất 1.485-1.490 điểm (MA20-50) và thậm chí xa hơn là vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Việt Nam nhập siêu 2,53 tỷ USD đến giữa tháng 2

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 2 đạt 8,75 tỷ USD. Tổng trị giá hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam trong nửa đầu tháng 2 đạt 12,66 tỷ USD.

TIN TRONG NƯỚC	
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 64,4 - 65,7 triệu đồng/lượng, tăng 1.250.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 1.700.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 24/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.131 VND/USD, tăng 1 đồng so với hôm qua.
TIN QUỐC TẾ	
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 36,2 USD/ounce tương ứng với 1,87% lên 1.946,4 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,484 điểm tương ứng 0,51% lên 96,675 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1242 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3451 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 114,75 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 5,98 USD/thùng tương ứng với 6,48% lên 98,06 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 23/2, Dow Jones giảm 464,85 điểm tương đương 1,38% xuống 33.131,76 điểm. Nasdaq giảm 344,03 điểm tương đương 2,57% xuống 13.037,49 điểm. Nasdaq Composite giảm 79,26 điểm tương đương 1,84% xuống 4.225,5 điểm.

KLGD và VN-Index trong phiên

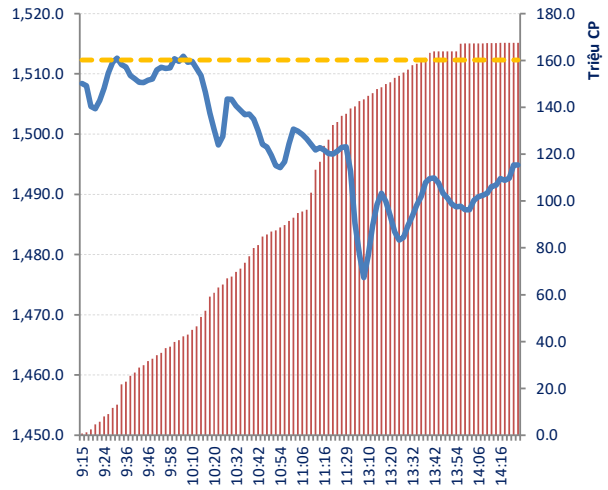

KLGD và HNX-Index trong phiên

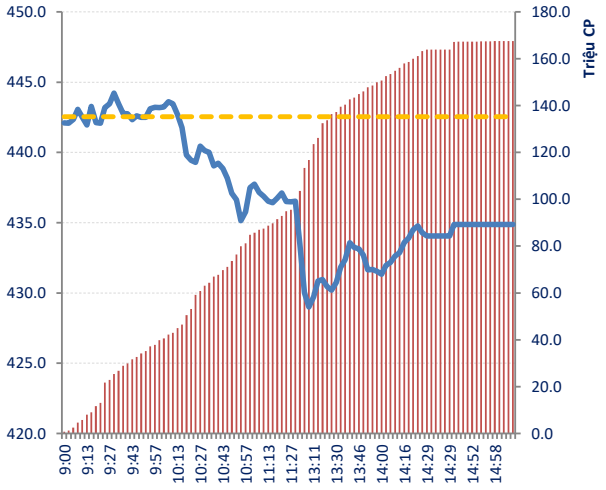

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

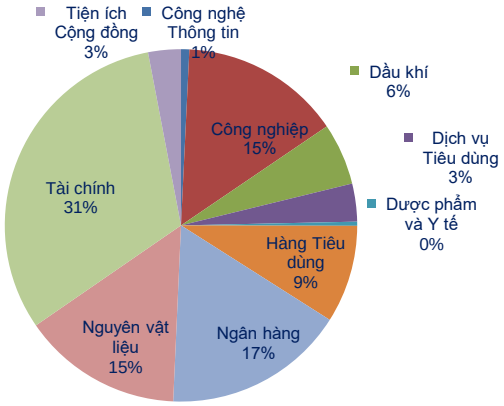

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

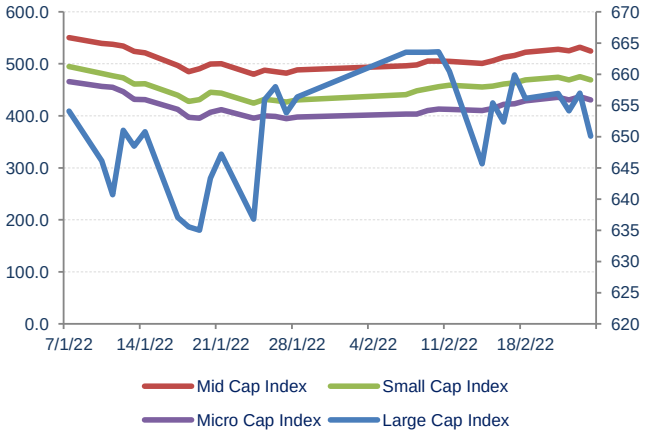

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

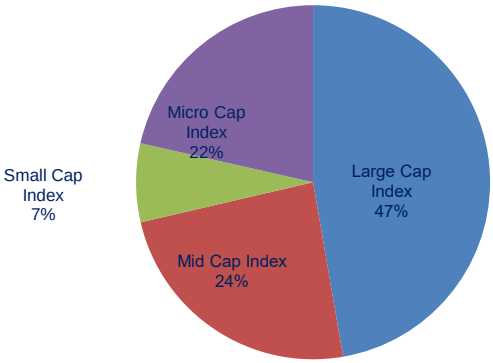

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KDC	2,982,300	HDB	7,892,700
2	GEX	1,735,800	ROS	2,642,700
3	DXG	1,476,800	CTG	1,919,600
4	KBC	1,170,100	E1VFVN30	1,677,500
5	DCM	917,300	MBB	1,282,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	469,200	TNG	551,900
2	VKC	84,800	KLF	148,800
3	PLC	79,400	TDN	100,000
4	SCI	73,000	VCS	78,700
5	PCG	63,800	OCH	66,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	11.25	10.50	-6.67%	37,187,200
VPB	35.90	36.90	2.79%	36,271,400
ROS	8.60	8.10	-5.81%	35,366,000
FLC	12.80	12.10	-5.47%	34,875,900
STB	33.60	32.90	-2.08%	31,101,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	33.20	34.80	4.82%	23,615,734
CEO	69.70	64.80	-7.03%	13,472,391
KLF	6.30	6.00	-4.76%	11,439,887
SHS	43.30	42.50	-1.85%	9,421,433
HUT	27.60	29.30	6.16%	8,612,738

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DCM	32.20	34.45	2.25	6.99%
BMC	22.95	24.55	1.60	6.97%
FRT	116.60	124.70	8.10	6.95%
PGC	24.50	26.20	1.70	6.94%
DXG	40.40	43.20	2.80	6.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MAS	55.00	60.50	5.50	10.00%
LAS	19.10	21.00	1.90	9.95%
PMP	17.20	18.90	1.70	9.88%
PPY	17.20	18.90	1.70	9.88%
PSW	22.30	24.50	2.20	9.87%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DLG	7.58	7.05	-0.53	-6.99%
TTB	10.90	10.15	-0.75	-6.88%
LCM	6.97	6.49	-0.48	-6.89%
VFG	67.00	62.40	-4.60	-6.87%
C47	22.70	21.15	-1.55	-6.83%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KHS	34.30	30.90	-3.40	-9.91%
SDA	27.60	24.90	-2.70	-9.78%
STC	23.00	20.80	-2.20	-9.57%
PTD	15.80	14.30	-1.50	-9.49%
QHD	49.00	44.40	-4.60	-9.39%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

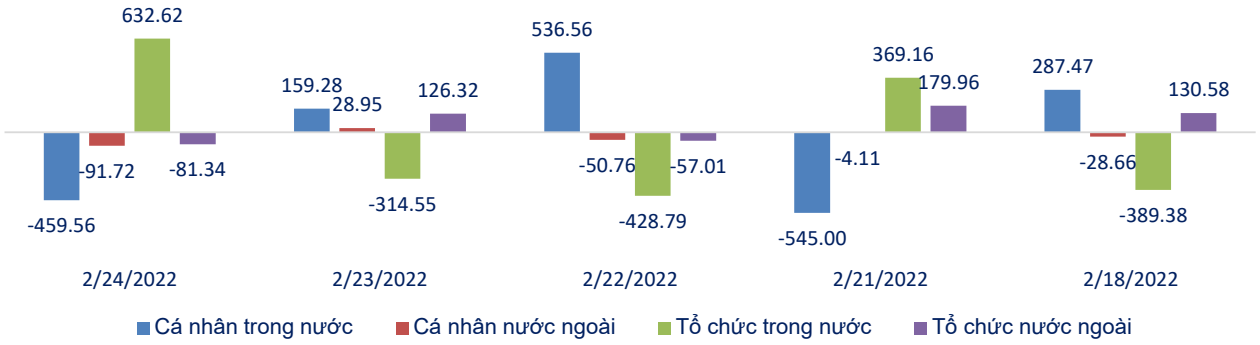

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	230.51	21.8%	3,034	9.8	1.9
PLX	86.12	10.8%	2,258	27.7	2.8
VIC	81.55	-1.9%	(717)	-	2.0
VNM	63.62	30.3%	5,042	15.9	4.7
APH	55.86	1.1%	224	125.3	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-254.07	17.0%	2,662	13.5	1.8
KDC	-173.48	8.1%	2,553	21.5	1.9
DXG	-127.08	10.3%	1,942	20.8	1.8
DGC	-104.70	45.9%	13,963	11.2	5.2
GEX	-80.37	7.3%	1,490	26.4	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	7.83	0.1%	46	734.2	1.0
TPB	3.49	22.6%	3,207	13.3	2.0
DGC	2.27	45.9%	13,963	11.2	5.2
VIC	2.01	-1.9%	(717)	-	2.0
SCS	1.46	50.2%	9,746	16.7	8.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFVN30	-21.34	N/A	N/A	N/A	N/A
ROS	-20.22	1.6%	168	51.3	0.8
HPG	-10.28	46.0%	7,708	6.1	2.3
STB	-6.45	10.8%	1,855	18.1	1.8
SHB	-6.37	16.7%	2,261	9.8	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	255.71	17.0%	2,662	13.5	1.8
MBB	78.55	22.6%	3,361	10.2	2.1
STB	67.41	10.8%	1,855	18.1	1.8
DXG	66.65	10.3%	1,942	20.8	1.8
HPG	59.16	46.0%	7,708	6.1	2.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-53.15	-1.9%	(717)	-	2.0
APH	-52.48	1.1%	224	125.3	1.2
PLX	-47.41	10.8%	2,258	27.7	2.8
VNM	-34.00	30.3%	5,042	15.9	4.7
DPM	-31.54	32.9%	7,964	6.4	1.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	173.58	8.1%	2,553	21.5	1.9
DGC	77.28	45.9%	13,963	11.2	5.2
KBC	70.34	5.8%	1,587	36.1	2.2
GEX	67.13	7.3%	1,490	26.4	1.6
DXG	59.23	10.3%	1,942	20.8	1.8

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-226.47	21.8%	3,034	9.8	1.9
CTG	-63.87	15.7%	2,932	11.9	1.8
GAS	-54.60	17.1%	4,531	25.8	4.3
MBB	-42.63	22.6%	3,361	10.2	2.1
PLX	-38.65	10.8%	2,258	27.7	2.8

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	37,187,200	2.5%	199	56.7	2.2
VPB	36,271,400	3250.0%	2,662	13.5	1.8
ROS	35,366,000	1.6%	168	51.3	0.8
FLC	34,875,900	0.7%	119	107.6	0.9
STB	31,101,000	10.8%	1,855	18.1	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	23,615,734	4.7%	1,260	26.4	1.3
CEO	13,472,391	2.7%	362	192.6	5.1
KLF	11,439,887	0.4%	40	155.9	0.6
SHS	9,421,433	25.5%	2,892	15.0	2.2
HUT	8,612,738	1.9%	240	115.0	2.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	7.0%	27.5%	3,623	8.9	2.2
BMC	7.0%	8.5%	1,407	16.3	1.4
FRT	6.9%	30.6%	5,618	20.8	5.5
PGC	6.9%	14.5%	1,989	12.3	1.7
DXG	6.9%	10.3%	1,942	20.8	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MAS	10.0%	-39.3%	(3,240)	-	6.8
LAS	9.9%	5.2%	593	32.2	1.6
PMP	9.9%	10.3%	1,601	10.7	1.2
PPY	9.9%	12.6%	1,955	8.8	1.1
PSW	9.9%	26.4%	3,340	6.7	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KDC	2,982,300	8.1%	2,553	21.5	1.9
GEX	1,735,800	7.3%	1,490	26.4	1.6
DXG	1,476,800	10.3%	1,942	20.8	1.8
KBC	1,170,100	5.8%	1,587	36.1	2.2
DCM	917,300	27.5%	3,623	8.9	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	469,200	4.7%	1,260	26.4	1.3
VKC	84,800	1.0%	125	92.3	0.9
PLC	79,400	12.0%	1,940	23.3	2.7
SCI	73,000	32.5%	5,344	5.9	1.9
PCG	63,800	2.4%	207	50.2	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	411,256	21.3%	4,629	18.8	3.7
VHM	345,737	35.3%	9,036	8.8	2.6
VIC	314,650	-1.9%	(717)	-	2.0
BID	230,669	12.7%	2,090	21.8	2.7
GAS	223,932	17.1%	4,531	25.8	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	61,460	21.8%	2,805	62.6	9.7
KSF	32,520	9.1%	1,387	78.2	5.4
IDC	21,840	9.6%	1,508	48.3	4.7
CEO	17,937	2.7%	362	192.6	5.1
NVB	17,651	0.0%	3	9,560.3	2.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	5.08	1.6%	232	106.9	1.7
SGR	4.93	4.7%	566	52.9	2.6
NHA	4.77	0.8%	81	763.7	6.2
NBB	4.63	18.2%	4,126	8.7	1.9
DIG	4.60	15.3%	2,210	42.1	6.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.89	7.0%	343	39.7	2.7
VC7	2.77	2.6%	354	66.4	2.2
L14	2.71	39.0%	8,000	47.7	13.6
CEO	2.66	2.7%	362	192.6	5.1
L18	2.65	6.7%	877	73.0	4.5

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiển
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn